CƠ SỞ CHÍNH TRỊ VÀ PHÁP LÝ VỀ VAI TRÒ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

TS CAO ĐỨC THÁI(*)

Trong chiến lược diễn biến hòa bình, lợi dụng các giá trị dân chủ, nhân quyền, các thế lực thù địch đã xuyên tạc, vu cáo Đảng ta là " độc tài", chế độ ta là "đảng trị"... Có kẻ còn đòi xóa bỏ Điều 4 Hiến pháp 1992 của Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, quy định vai trò lãnh đạo Nhà nước và xã hội của Đảng Cộng sản Việt Nam. Không ít người do thiếu hiểu biết về lịch sử, mơ hồ về chính trị đã không nhận thấy âm mưu thâm độc của kẻ thù nên đã đồng tình với quan điểm này. Về thực chất, đây là quan điểm "đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập" của các thế lực tư sản đã sử dụng để làm rối loạn xã hội các nước xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô, Đông Âu, để từ đó vô hiệu hóa vai trò của đảng cộng sản và xóa bỏ nhà nước xã hội chủ nghĩa của những nước này trong những năm 1989-1991.

Vai trò lãnh đạo - cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam được xác lập trong cuộc đấu tranh anh dũng để giành và giữ vững nền độc lập dân tộc, chủ quyền quốc gia, xây dựng đất nước của nhân dân ta hơn 60 năm qua.

Không phủ nhận rằng chế độ dân chủ, nhà nước pháp quyền, các giá trị xã hội: tự do, bình đẳng, bác ái đã từng ra đời và tồn tại trong chủ nghĩa tư bản như là thành quả của cuộc đấu tranh giữa giai cấp tư sản và nhân dân lao động với giai cấp phong kiến, trên bước đường tiến hoá của nhân loại. Tuy nhiên, chế độ dân chủ tư sản và các giá trị tự do, bình đẳng, bác ái được xem là cốt lõi của quyền con người trong chủ nghĩa tư bản luôn luôn bị hạn chế bởi lợi ích của giai cấp thống trị thông qua các đảng chính trị cầm quyền.

Trên 10 năm bôn ba để học hỏi, nghiên cứu lý luận và hoạt động cách mạng ở nước ngoài, Nguyễn Ái Quốc đã nhận xét rằng: "Cách mệnh Pháp cũng như cách mệnh Mỹ, nghĩa là cách mệnh tư bản, cách mệnh không đến nơi, tiếng là cộng hoà và dân chủ, kỳ thực trong thì nó tước lục công nông, ngoài thì nó áp bức thuộc địa"[1]. Chính vì thế, Hồ Chí Minh đã chỉ giáo: "Chúng ta đã hy sinh làm cách mệnh, thì nên làm cho đến nơi, nghĩa là làm sao cách mệnh rồi thì quyền giao cho dân chúng số nhiều, chớ để trong tay một bọn ít người. Thế mới khỏi hy sinh nhiều lần, thế dân chúng mới được hạnh

(*) Viện Nghiên cứu Quyền con người, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh.

phúc"[2]. Từ nghiên cứu lý luận và thực tiễn, Nguyễn Ái Quốc đã tìm thấy hai tiêu chí cơ bản để lựa chọn mô hình cách mạng cho nhân dân ta. Thứ nhất, sau cách mạng quyền lực nhà nước phải thuộc về nhân dân lao động. Thứ hai, dân chúng được hưởng cái hạnh phúc, tự do, bình đẳng thật, chứ không phải cái tự do bình đẳng giả dối như thực dân Pháp khoe khoang ở Việt Nam. Về lực lượng lãnh đạo cách mạng, Người viết: "muốn cách mạng thành công thì phải dân chúng (công nông) làm gốc, phải có đảng vững bền... Nói tóm lại là phải theo chủ nghĩa Mã Khắc Tư và Lênin"[3].

Hơn 150 năm, kể từ khi cách mạng dân chủ tư sản Pháp, với bản *Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền* nổi tiếng (1789) cho đến khi nhân dân ta đứng lên làm cách mạng, giành độc lập dân tộc, (tháng 8-1945), thực dân Pháp không hề chia sẻ các giá trị tự do, bình đẳng, bác ái với nhân dân ta. Tương tự như vậy, hơn 200 năm, kể từ khi cuộc cách mạng giành độc lập của Mỹ thành công với bản *Tuyên ngôn độc lập* (1776) chứa đựng những lời bất hủ: "Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hoá cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc"[4] cho đến ngày Mỹ rút quân khỏi Việt Nam, đế quốc Mỹ đã hành động trái hẳn với *Tuyên ngôn độc lập* của họ. Đế quốc Mỹ đã cướp đi quyền sống của hàng triệu người Việt Nam, đồng thời cuộc chiến tranh xâm lược đó cũng cướp đi hàng vạn sinh mạng của chính con em họ.

Trước Cách mạng Tháng Tám, vai trò lãnh đạo của Đảng đã được thiết lập qua ba phong trào cách mạng: cao trào cách mạng 1930 - 1931 mà đỉnh cao là Xô Viết Nghệ Tĩnh; phong trào vận động dân chủ đòi tự do, cơm áo, hòa bình 1936 - 1939 và cao trào giải phóng dân tộc 1939 - 1945. Những cơ sở của xã hội mới xét về cơ cấu tổ chức và lực lượng cách mạng đều do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo. Đó là tổ chức Công hội, Nông hội, Phụ nữ Giải phóng, Đoàn Thanh niên Cộng sản, Hội Phản đế đồng minh. Những tổ chức này được củng cố và phát triển qua các phong trào cách mạng kéo dài 15 năm (từ năm 1930 đến năm 1945) với những tên gọi khác nhau, nhưng đều do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo.

Một trong những hoạt động quan trọng chuẩn bị về chính trị và pháp lý cho cuộc Tổng khởi nghĩa, giành chính quyền là quyết định của Đảng ta tổ chức Đại hội quốc dân ở Tân Trào (Thái Nguyên) vào ngày 16-8-1945, thành lập Ủy ban Giải phóng dân tộc - tiền thân của Chính phủ lâm thời Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch.

Khác với nhiều quốc gia ở châu Á, nền độc lập của dân tộc ta ra đời trong một hoàn cảnh lịch sử đặc biệt. Vào giai đoạn cuối cùng của cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai, các dân tộc sống dưới ách thống trị của chủ nghĩa thực dân và chủ nghĩa phát xít, trong đó có dân tộc ta, có ba phương án lịch sử. *Một là*, chờ quân Đồng minh đến giải phóng cho mình; *hai là*, mong chiến tranh kết thúc, chấp nhận quy chế "quản thác", "uỷ trị" của Liên hợp quốc, mà thực chất là tái phục hồi chế độ thống trị của các cường quốc đế quốc thắng trận; *ba là*, chớp thời cơ, đứng lên khởi nghĩa lật đổ chế độ thống trị của đế quốc và phát xít, tự khẳng định độc lập dân tộc và chủ quyền quốc gia. Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam đã chọn phương án ba. Cuộc Cách

mạng Tháng Tám năm 1945 của nhân dân ta đã đặt Liên hợp quốc, các nước Đồng minh và cả cộng đồng quốc tế trước một sự thật hiển nhiên: nền độc lập của dân tộc Việt Nam và chế độ xã hội do nhân dân làm chủ dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đã ra đời.

Trong *Tuyên ngôn độc lập* khai sinh Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết "Sự thật là dân ta đã lấy lại nước Việt Nam từ tay Nhật, chứ không phải từ tay Pháp... Dân ta đã đánh đổ các xiềng xích thực dân gần 100 năm nay để gây dựng nên nước Việt Nam độc lập. Dân ta lại đánh đổ chế độ quân chủ mấy mươi thế kỷ mà lập nên chế độ dân chủ cộng hoà"[5]. Không phải ngẫu nhiên, Người khẳng định mạnh mẽ: "Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do độc lập"[6].

Tuyên ngôn độc lập là văn kiện chính trị và pháp lý cơ bản và quan trọng nhất xét cả trên phương diện quốc tế và quốc gia về nền độc lập dân tộc, chủ quyền quốc gia của nhân dân ta.

Ngay sau khi cách mạng thành công, dưới sự lãnh đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam, nền tảng chính trị của chế độ mới được tạo dựng và củng cố vững chắc.

Hiếm có một cuộc cách mạng nào, chỉ trong vòng một năm, lực lượng cách mạng đã tổ chức Tổng tuyển cử tự do trong cả nước bầu Quốc hội, thành lập Chính phủ, xây dựng hệ thống chính quyền từ trung ương đến địa phương, xây dựng và ban bố Hiến pháp.

Phát huy tư tưởng đại đoàn kết toàn dân, nâng cao hơn nữa vai trò của các tổ chức quần chúng ra đời và hoạt động bí mật trong thời kỳ vận động cách mạng 1930 - 1945, nay những tổ chức này đã ra công khai, hoạt động với tư cách là người đại diện của quần chúng, tham gia quản lý nhà nước và xã hội, vận động nhân dân đóng góp vào công cuộc kháng chiến và kiến quốc. Với sự ra đời và hoạt động tích cực của Mặt trận Dân tộc thống nhất, các đoàn thể quần chúng, nền tảng chính trị của chế độ xã hội do nhân dân làm chủ dưới sự lãnh đạo của Đảng ngày càng được củng cố vững chắc.

Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ - những lực lượng đế quốc hùng mạnh nhất thế giới - kéo dài 30 năm của nhân dân ta một lần nữa khẳng định sức sống mãnh liệt của dân tộc ta, của chế độ xã hội mới do Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta lãnh đạo.

Công cuộc đổi mới do Đảng Cộng sản Việt Nam khởi xướng và lãnh đạo là một thời kỳ đặc biệt trong lịch sử cách mạng Việt Nam. Trong *Cương lĩnh 1991*, khi đề cập bản chất xã hội xã hội chủ nghĩa, Đảng ta đặt lên hàng đầu tính chất này là xã hội do nhân dân lao động làm chủ...

Trong *Cương lĩnh* có viết: Nhà nước xã hội xã hội chủ nghĩa là nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo. Trên lĩnh vực chính trị xã hội, chính sách của Đảng là đại đoàn kết dân tộc, củng cố và mở rộng Mặt trận dân tộc thống nhất[7].

Hội nghị Trung ương 7 khoá IX đã phát triển tư tưởng đại đoàn kết, khẳng định: "Đại đoàn kết toàn dân tộc lấy mục tiêu giữ vững độc lập, thống nhất Tổ quốc, vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh làm điểm tương đồng, xoá bỏ mặc cảm, định kiến, phân biệt đối xử về quá khứ, thành phần, giai cấp, xây dựng

tinh thần cởi mở, tin cậy lẫn nhau, cùng hướng tới tương lai"[8]. Chính sách đối với các dân tộc thiểu số là: "bình đẳng, đoàn kết, tương trợ, giúp nhau cùng phát triển"[9]. Đối với các tôn giáo, Đảng ta xác định: "Tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân, đang và sẽ tồn tại cùng dân tộc trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta"[10].

Nền tảng chính trị - xã hội của chế độ ta có những nét đặc sắc về lịch sử, cơ cấu và vai trò của đảng cầm quyền. Thứ nhất, xét về mặt lịch sử, hệ thống chính trị của xã hội mới ra đời trước khi cách mạng thành công. Đó là thành quả đấu tranh lâu dài, anh dũng dựa trên truyền thống yêu nước, ý chí tự lực, tự cường của dân tộc. Thứ hai, về cấu trúc, hệ thống chính trị của xã hội ta bao quát rộng rãi các lực lượng xã hội, theo nguyên tắc bình đẳng. Thứ ba, về mối quan hệ, các tổ chức của hệ thống chính trị thực hiện các chức năng của mình có sự phân công phối hợp, đồng thời có chức năng phản biện xã hội vì mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh". Thứ tư, vai trò lãnh đạo và cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam được khẳng định trong thực tiễn cách mạng lâu dài, đầy hy sinh gian khổ của cả dân tộc và đã được quy định trong Hiến pháp.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng ta, kế thừa các Hiến pháp 1946, 1959, 1980, Hiến pháp 1992 đã quy định: "Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân" (Điều 2). "Nhà nước bảo đảm và không ngừng phát huy quyền làm chủ về mọi mặt của nhân dân, nghiêm trị mọi hành động xâm phạm lợi ích của Tổ quốc và của nhân dân..." (Điều 3). Nhân dân sử dụng quyền lực Nhà nước thông qua Quốc hội, Hội đồng nhân dân, thông qua mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên thực hiện quyền làm chủ Nhà nước và xã hội của mình.

Điều 50 của Hiến pháp 1992 quy định: "Ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các quyền con người về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hoá và xã hội được tôn trọng...". Bản Hiến pháp 1992 còn khẳng định: "Công dân có quyền tham gia quản lý Nhà nước và xã hội, tham gia thảo luận các vấn đề chung của cả nước và địa phương..." (Điều 53); "Công dân... có quyền bầu cử,... ứng cử vào Quốc hội, Hội đồng nhân dân" (Điều 54).

Dựa trên Hiến pháp, Quốc hội ta đã xây dựng một hệ thống pháp luật trên tất cả các lĩnh vực của cuộc sống, bảo đảm quyền, lợi ích và nghĩa vụ của người dân.

Cho đến nay, Nhà nước ta đã gia nhập, ký kết và phê chuẩn hầu hết các Công ước quốc tế cơ bản về quyền con người trong đó có hai công ước, quy định bao quát các quyền, đó là: Công ước quốc tế về quyền Dân sự chính trị, năm 1966, Công ước quốc tế về quyền kinh tế, xã hội và văn hoá, năm 1966. Pháp luật Việt Nam, về cơ bản đã tương thích với luật quốc tế về quyền con người.

Có thể nói, dựa trên đổi mới tư duy lý luận của Đảng ta về chủ nghĩa xã hội, về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, Việt Nam đã có những bước phát triển mang tính nhảy vọt về tư duy pháp lý bao gồm cả lập pháp và hành pháp.

Điểm đột phá trong tư duy pháp lý của chúng ta biểu hiện như sau: *thứ nhất*, đó là quy định trong Hiến pháp: Nhà nước ta là nhà nước pháp quyền. Điều đó có nghĩa pháp luật - sự thể hiện ý chí của toàn dân,

giữ vị trí tối thượng. *Thứ hai*, sự mở rộng các quyền và lợi ích của mọi người, trong đó có các quyền về sở hữu quyền tự do sản xuất, kinh doanh trong nền kinh tế thị trường. *Thứ ba*, sự nâng cao quyền làm chủ, quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội của người dân. *Thứ tư*, Hiến pháp chính thức quy định vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân Việt Nam, đại biểu trung thành quyền lợi của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc, theo chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội; mọi tổ chức của Đảng hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật.

Có thể nói những thành tựu to lớn của công cuộc đổi mới đều bắt nguồn từ sự lãnh đạo và chỉ đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, trong đó có lĩnh vực nhà nước và pháp luật, như quan điểm xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, cải cách tư pháp nâng cao vai trò của các tổ chức đoàn thể xã hội...

Như chúng ta đều biết, quyền làm chủ trực tiếp ở cơ sở bắt nguồn từ một chỉ thị của Đảng đã trở thành quy định của pháp luật. Chính phủ đã ban hành các nghị định về quy chế dân chủ ở cấp cơ sở: xã - phường; cơ quan; doanh nghiệp nhà nước; bệnh viện; trường học... Trong đó quy định rõ: những việc cần thông báo công khai cho nhân dân, cán bộ, công chức biết và những việc cán bộ, công chức, người dân có quyền bàn bạc và quyết định trực tiếp.

Đảng ta chủ trương phát huy mạnh mẽ vai trò tập hợp, vận động, đoàn kết rộng rãi các tầng lớp nhân dân, đồng thời nâng cao chức năng giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên nhằm bảo đảm tính công khai, minh bạch của Nhà nước trong các hoạt động kinh tế, tài chính của các cơ quan, tổ chức nhà nước.

Vai trò lãnh đạo của Đảng ta chẳng những phù hợp với nguyện vọng và ý chí của dân tộc Việt Nam, mà còn phù hợp với pháp luật quốc tế. Công ước quốc tế về các quyền dân sự chính trị, năm 1966 quy định: "Tất cả các dân tộc đều có quyền tự quyết. Xuất phát từ quyền đó, các dân tộc có quyền quyết định thể chế chính trị của mình..." (Điều 1). Điều đó có nghĩa các dân tộc hoàn toàn có quyền quyết định chế độ xã hội, hệ thống chính trị, Hiến pháp và pháp luật, trong đó có vai trò của đảng cầm quyền.

Lịch sử cách mạng Việt Nam trên 70 năm qua, kể từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời (1930) đến nay chứng tỏ rằng, Đảng là lực lượng duy nhất lãnh đạo sự nghiệp đấu tranh giành độc lập dân tộc, chủ quyền quốc gia và xây dựng đất nước vì tự do và hạnh phúc của nhân dân. Vai trò cầm quyền - lãnh đạo Nhà nước và xã hội của Đảng được hình thành trong cuộc đấu tranh đầy hy sinh, gian khổ của cả dân tộc.Vai trò đó có cơ sở chính trị, pháp lý quang minh, chính đại, phù hợp với pháp luật quốc gia và pháp luật quốc tế.

---

(1),(2),(3) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.2, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr.274, 270, 280.

(4),(5),(6) Sđd, t.3, tr.555, 557.

(7) ĐCSVN: *Các nghị quyết Trung ương Đảng 1996 - 1999*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tr.297-298.

(8),(9),(10) ĐCSVN: *Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa IX*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2003, tr.13, 19, 48.